TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 5 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Trí;
2. Bà Võ Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và ngày 14 tháng 5 năm 2019; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2019; về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1994 *(Có mặt)*.
Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Thanh T, sinh năm: 1985 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.
Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh T thông qua mai mối kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 23/10/2013; việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc; nhưng sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T thường hay bạo lực, hành hung, chửi mắng chị; chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2016 đến nay, chị và anh T ly thân với nhau mà không hàn gắn tình cảm lại được.

Hiện nay anh T đã có vợ khác, chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Phạm Bùi Như Y, sinh ngày 07/7/2013 hiện nay cháu Y đang sống với chị; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại đơn yêu cầu ngày 04/5/2019 bị đơn anh Phạm Thanh T trình bày*: Hiện nay anh thống nhất ly hôn với Chị Bùi Thị T; về con chung anh thống nhất giao cho Chị Bùi Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Bùi Như Y, sinh ngày 07/7/2013 đến trưởng thành, anh không thống nhất cấp dưỡng nuôi dưỡng con; về tài sản chung và nợ chung anh và chị T thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa Chị Bùi Thị T và anh Phạm Thanh T làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và thu thập tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng anh Phạm Thanh T vẫn cố tình vắng mặt; đến ngày 04/5/2019 anh T gửi đơn xin xét xử vắng mặt, lý do bận công việc không đến Tòa án được. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T; đồng thời, anh T đã có văn bản trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với chị T; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải việc ly hôn*".

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Bùi Như Y, đến khi cháu Y đủ 18 tuổi và không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đã có văn bản trình bày ý kiến thống nhất giao cháu Phạm Bùi Như Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, đến khi cháu Y đủ 18 tuổi và anh không thống nhất cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay chị T và anh T đã thống nhất với nhau về việc giao cháu Phạm Bùi Như Y cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không có yêu cầu; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử, không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh T, về việc thuận tình ly hôn và nuôi con theo quy định pháp luật.

Chị T phải chịu án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 227, 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị T đối với anh Phạm Thanh T.

- Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Bùi Thị T và anh Phạm Thanh T.

- Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Chị Bùi Thị T và anh Phạm Thanh T; giao cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Bùi Như Y, sinh ngày 07/7/2013 đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; anh T khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004547 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Phạm Thanh T không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều